

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1111/2018/HNGĐ-PT

Ngày: 26-11-2018

V/v Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:

Ông Lê Thọ Viên

Các Thẩm phán:

Bà Quách Thanh Bình

Bà Trần Thị Nhung

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Nguyễn Ngọc Linh - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 26/11/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử công khai vụ án thụ lý số 107/2018/TLPT-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2018 về vụ việc “Tranh chấp ly hôn”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 1172/2018/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 5019/2018/QĐ-PT ngày 30 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông G, sinh năm: 1984

Địa chỉ cư trú: xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông T - Luật sư thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: Số P, phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người phiên dịch: Bà H - Công ty TNHH A.

Địa chỉ: Số P1, phường X1, Quận Y1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà L, sinh năm: 1991

Địa chỉ: Số P2, phường X2, Quận Y2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà B1 - Luật sư thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: Số P3, phường X3, Quận Y3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người kháng cáo: Ông G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trình bày của nguyên đơn ông G, có bà H và bà T1 phiên dịch:

Ông G và bà L có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân quận G1, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 26 tháng 5 năm 2017 theo sổ đăng ký số 117. Trong quá trình chung sống, ông bà có 01 (một) con chung tên: N sinh ngày 21/10/2014 theo giấy khai sinh số 233, quyển số 02/2015 ngày 11/6/2015 do Ủy ban nhân dân Phường O, quận G1, Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trong thời gian chung sống với nhau, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không cùng quan điểm, không có tiếng nói chung, trong cuộc sống bất đồng về văn hóa, lối sống. Bên cạnh đó, bà L thường hay có hành động bạo lực như: đánh đập, lấy kéo đâm ông G hoặc dùng bàn ủi nóng ấn vào người ông G; bà L có nhiều mối quan hệ tình cảm bất chính. Thêm vào đó, bà L không quan tâm chăm sóc đối với trẻ N và cũng không đi làm. Đó là những nguyên nhân dẫn đến tình cảm không còn. Hai bên đã cố gắng hàn gắn nhiều lần nhưng không đạt được kết quả. Nhận thấy cuộc sống chung không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nên ông G yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau đây:

1. Về quan hệ hôn nhân: Được ly hôn với bà L.

2. Về con chung: Ông G đề nghị Tòa án cho ông được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung N, sinh ngày 21/10/2014 đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con. Lý do, bà L không có nguồn tài chính ổn định để chăm lo cho cuộc sống của trẻ N, không quan tâm chăm sóc con, có tính cách bạo lực, cách sống phóng túng trái với đạo đức xã hội và vi phạm pháp luật gây ảnh hưởng xấu đến sự phát triển của trẻ N. Ngoài ra, ông G có nguồn tài chính ổn định với mức thu nhập hàng tháng trên 40.000.000 đồng, có thể đảm bảo việc chăm lo, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ N.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà L trình bày:

Trong thời gian tìm hiểu, ông G và bà L sống chung với nhau không đăng ký kết hôn. Từ năm 2014, khi bà L biết mình mang thai 03 (ba) tháng thì ông G đã không ủng hộ bà L tiếp tục mang thai. Ông G đã đe dọa, sỉ nhục bà L và gia đình, có thái độ coi thường mọi người, có xu hướng tiêu cực. Do đó, bà L không còn sống chung với ông G, chuyển về nhà cha mẹ ruột ở, cho đến khi sinh con. Dù bà L nhiều lần hối thúc nhưng ông G đã không thực hiện đăng ký khai sinh cho con chung N. Nên vào tháng 6/2015, bà L đã đăng ký khai sinh cho N chỉ có họ và tên mẹ, không có họ và tên cha. Cho đến khi trẻ nam được 01 (một) tuổi, bà L mới chuyển về sống chung với ông G, nhưng bà lại phát hiện ông G có quan hệ với những người phụ nữ khác. Nên bà L có ý định chuyển về sống cùng với cha mẹ ruột. Ông G không đồng ý việc bà L mang trẻ N đi cùng và ông đã có những hành vi bạo lực với bà L.

Vào tháng 5/2017, ông G (họ, tên đệm và tên được ghi theo thứ tự trong giấy chứng nhận) và bà L đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân quận G1, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 117, ngày 26/5/2017). Trong khoảng thời gian từ tháng 11/2017 đến ngày 25/12/2017, ông G sống cùng với trẻ N nhưng ông đã hạn chế thời gian tiếp xúc trẻ N của bà L. Ngày 26/12/2017, bà L đã yêu cầu Công an huyện Y hỗ trợ để bà L được đón con về nhà cha mẹ ruột của bà L. Kể từ đó, ông G không liên lạc hay thăm nuôi trẻ N.

Đến tháng 01/2018, ông G đã thực hiện bổ sung thông tin trong Giấy khai sinh của trẻ N sau khi bà L thực hiện thủ tục nhận cha cho con. Và Ủy ban nhân dân Phường O, quận G1 đã cập nhật thông tin họ và tên, năm sinh, quốc tịch của cha là ông G, sinh năm 1984, quốc tịch Hoa Kỳ vào Giấy khai sinh số 233, quyển số 02/2015 ngày 11/6/2015 của trẻ N.

Hai bên đã cố gắng hàn gắn nhiều lần nhưng không thành. Nhận thấy cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nên khi ông G có yêu cầu ly hôn, bà L có ý kiến như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Đồng ý ly hôn đối với ông G.

2. Về con chung: Bà L đề nghị Tòa án cho bà được trực tiếp chăm lo, nuôi dưỡng và giáo dục con chung N, sinh ngày 21/10/2014 đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu ông G cấp dưỡng nuôi con. Vì hiện tại bà L đã chính thức đi làm và có thu nhập ổn định 18.000.000 đồng/tháng. Bà L không yên tâm khi để ông G nuôi con do ông không có thời gian dành cho con; còn có những hành vi, suy nghĩ tiêu cực gây ảnh hưởng không tốt tới trẻ. Ngoài ra, ông G cũng không có nhà cửa ổn định.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại bản án số 1172/2018/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận G1, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông G và bà L thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 117, ngày 26/5/2017 tại Ủy ban nhân dân quận G1, Thành phố Hồ Chí Minh không còn giá trị).

2. Về con chung:

Giao con chung tên N, sinh ngày 21/10/2014 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng cho ông G cho đến khi bà L có yêu cầu.

Ông G được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc người thân thích; Cơ quan quản lý Nhà nước về gia đình; Cơ quan quản lý Nhà nước về trẻ em; Hội Liên hiệp Phụ nữ, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của trẻ, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Hai bên xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét trong vụ án này.

4. Về nợ chung: Hai bên đương sự xác nhận không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: 300.000 đồng ông G chịu được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng ông G đã nộp theo Biên lai số AA/2017/0028984 ngày 16/4/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của đương sự theo luật định.

Ngày 04 tháng 09 năm 2018 ông G kháng cáo một phần bản án sơ thẩm với yêu cầu: Ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là trẻ N, không đồng ý giao con chung cho bà L chăm sóc và nuôi dưỡng như án sơ thẩm đã tuyên.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông G vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông G đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông.

Bà L không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của ông G, đề nghị giữ y bản án sơ thẩm.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà L đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử và đương sự thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông G; Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của ông G làm trong hạn luật định nên được chấp nhận.

- Xét yêu cầu kháng cáo của ông G có đủ căn cứ để xác định:

- Quan hệ hôn nhân: Ông G và bà L tự nguyện đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 117, ngày 26 tháng 5 năm 2017 tại Ủy ban nhân dân quận G1, Thành phố Hồ Chí Minh thì quan hệ hôn nhân giữa ông G và bà L là hôn nhân hợp pháp.

Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết công nhận thuận tình ly hôn giữa ông G và bà L, phần này các đương sự không kháng cáo nên phát sinh hiệu lực pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống, ông G và bà L có một con chung là trẻ N, sinh ngày 21/10/2014. Hiện trẻ Nam đang được bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về điều kiện nuôi con của mỗi bên:

Đối với ông G: Hiện ông đang làm giáo viên dạy anh văn, làm việc tại Công ty ngoại ngữ ở Long An và Thành phố Hồ Chí Minh, có thu nhập cao. Tuy nhiên khả năng giao tiếp bằng tiếng Việt của ông còn hạn chế trong các mối quan hệ với cộng đồng, môi trường xung quanh. Hợp đồng lao động của ông là hợp đồng có thời hạn và được gia hạn theo từng năm tại Việt Nam, ông đang thuê nhà để ở tại huyện Y, Thành phố Hồ Chí Minh. Khi ở Việt Nam ông không có người thân hỗ trợ trong việc chăm sóc con. Việc ông G thuê người giúp việc để chăm sóc con chung không thể tốt hơn cha mẹ trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc con chung.

Còn đối với bà L: Căn cứ vào bảng lương và hợp đồng lao động của bà L thì bà có thu nhập ổn định, đảm bảo về điều kiện và học tập cho trẻ N. Trẻ N đang được bà L cho theo học song ngữ tại Trường mầm non V ổn định đến nay. Bà L có chỗ ở ổn định, được sự hỗ trợ chăm sóc con từ người thân và bà đang sinh sống cùng trẻ N tại căn nhà số Số P2, phường X2, Quận Y2, thuộc sở hữu của mình theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BQ 058893, vào sổ cấp GCN: CH 02998 do Ủy ban nhân dân quận G1 cấp, cấp nhật ngày 13/10/2018.

Mặc dù ông G có thu nhập hàng tháng cao hơn bà L, nhưng nhìn nhận tất cả các điều kiện để ai được nuôi con phát triển toàn diện về mọi mặt, tránh xáo trộn về môi trường sống của trẻ, hơn nữa trẻ N còn quá nhỏ mới hơn bốn tuổi, bà L đang nuôi dưỡng, chăm sóc và cho học tập ở môi trường tốt, trẻ N phát triển ổn định nên cần có sự tiếp tục chăm sóc từ bà

Nhận xét ở trên thì bà L có đầy đủ điều kiện nuôi con tốt hơn ông G

Do đó Tòa án cấp sơ thẩm với nhận định để giao con chung là trẻ N cho bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật nên giữ nguyên phần này của án sơ thẩm. Yêu cầu kháng cáo của ông G không được chấp nhận.

Ông G phải chịu án phí dân sự phúc thẩm do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 148, Điều 293, Khoản 1 Điều 308, Điều 313 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông G.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm, xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông G và bà L thuận tình ly hôn

- Về con chung: Giao con chung tên N, sinh ngày 21/10/2014 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng cho ông G.

Ông G được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Vì quyền và lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: 300.000 đồng ông G chịu được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng ông G đã nộp theo Biên lai số AA/2017/0028984 ngày 16/4/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng ông G chịu được trừ vào theo Biên lai thu số 0001152 ngày 13 tháng 9 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Tòa án nhân dân quận G1;
- Chi Cục THADS quận G1;
- UBND quận Gò Vấp;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thọ Viên

